

Bản án số: 20/2018/HS-ST

Ngày: 08-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức

Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quang Ân;
2. Ông Võ Đức Thành;
3. Ông Văn Văn Tánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Nghĩa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và ngày 08 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Võ Tá H, sinh năm 1985, tại tỉnh Hà Tĩnh, nơi cư trú: Thôn S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; chỗ ở: Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Võ Tá M1, sinh năm 1945 và bà Lê Thị M2, sinh năm 1949; có vợ là Trần Thị H2, sinh năm 1980 và 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú và bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2016 cho đến nay, có mặt.

2. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1996, tại tỉnh Hà Tĩnh, nơi cư trú: Xóm N (xóm 5), xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Khu phố 2, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1971 và bà Phạm Thị H3, sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không; ngày 25/5/2016, bị cáo đầu thú và bị tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 31/5/2016 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/5/2017 cho đến nay, có mặt.

3. Phạm Đức T, sinh năm 1975, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi cư trú: Số 33/8 khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở: Khu dân cư T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Phạm N1 (chết) và bà Hồ Thị X, sinh năm 1933; có vợ là Hồ Thị Thùy D, sinh năm 1978 và có 02 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/5/2016 đến nay, có mặt.

4. Bùi Anh T1, sinh năm 1986, tại tỉnh Hà Tĩnh, nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh, chỗ ở: Khu phố 1, Phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Bảo vệ; con ông Bùi Văn D1, sinh năm 1962 và bà Võ Thị Đ, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị H4, sinh năm 1990; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2016 cho đến nay, có mặt.

5. Võ Tá T2, sinh năm 1991, tại tỉnh Hà Tĩnh, nơi cư trú: Ấp S, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông Võ Tá H5, sinh năm 1967 và bà Hoàng Thị V, sinh năm 1973; tiền án, tiền sự: Không; **ngày 16/5/2017**, bị cáo đầu thú và bị tạm giữ, đến ngày 21/6/2017 được huỷ bỏ biện pháp tạm giữ, bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Thị M, sinh năm 1985, tại tỉnh Ninh Bình, nơi cư trú: Xóm 2, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chỗ ở: Khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1950; có chồng là Phạm Ngọc H6, sinh năm 1974 và có 02 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2016 cho đến nay, có mặt.

7. Nguyễn Khắc L, sinh năm 1976, tại tỉnh Quảng Ngãi, nơi cư trú: Xóm 5, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở: Khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Buôn bán; con ông Nguyễn L2, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1951; có vợ là Trương Thị H7, sinh năm 1980 và có 03 con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 25/5/2016 cho đến nay, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Võ Tá H*: Ông Ngô N – Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Công ty trách nhiệm hữu hạn V; địa chỉ trụ sở: Lô 11, đường số 20, Khu Công nghiệp S, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện theo pháp luật: Ông J, sinh năm 1964; chức vụ: Tổng giám đốc. Ủy quyền cho bà Trần Hồng N2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số 7, lô E3 khu định cư T, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2018), có mặt.

- *Bị đơn dân sự*: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O, địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Đại diện theo pháp luật: Bà Trần Bé T3, sinh năm 1987; chức vụ: Giám đốc. Ủy quyền cho ông Phạm Xuân T4, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp V, xã P, thị xã L, tỉnh Đồng Nai (văn bản ủy quyền ngày 04/6/2018), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ T5, sinh năm 1986, địa chỉ: Số 536/43/23/14, đường A, Phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. Bà Ngô Thị T6, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 51/12/23 đường C, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (gọi tắt là Công ty V) do ông J làm Tổng giám đốc với ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dệt, may.

Võ Tá H, Bùi Anh T1, Võ Tá T2, Trần Văn K, Nguyễn Văn H1 là nhân viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O (viết tắt là Công ty O). Phạm Đức T là tài xế taxi của Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn ML tại Bình Dương (ML Bình Dương).

Tháng 9/2015, Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn K được Công ty O phân công bảo vệ mục tiêu tại Công ty V. Ngoài ban đêm làm bảo vệ tại Công ty V, ban ngày Võ Tá H còn làm công nhân cùng với Nguyễn Thị M tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn F. Nguyễn Thị M sống chung như vợ chồng với Nguyễn Khắc L tại phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Từ tháng 10/2015, Võ Tá H, Nguyễn Văn H1, Trần Văn K cùng trực bảo vệ ca đêm tại Công ty V, thời gian từ 18 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau. Quá trình làm việc tại Công ty V, lợi dụng việc được công ty giao chìa khóa văn phòng và xưởng sản xuất vào cuối ngày làm việc nên Trần Văn K bàn với Võ Tá H việc chiếm đoạt vải của công ty và kêu H tìm nơi tiêu thụ vải thì H đồng ý.

Khoảng hai ngày sau, trong lúc làm việc tại Công ty F, Võ Tá H hỏi Nguyễn Thị M có biết nơi nào mua vải không thì M nói sẽ tìm người mua vải giúp H. Đi làm về, M kể lại sự việc trên cho Nguyễn Khắc L biết. L có em ruột là Nguyễn Thị Lệ T5, làm nghề buôn bán vải nên L gọi điện thoại hỏi T5 có mua vải không thì T5 đồng ý mua. Đến khoảng 15 giờ ngày hôm sau, M đưa số điện thoại của T5 cho H. Sau đó, H đưa lại cho Trần Văn K để K liên lạc với T5 thỏa thuận mua bán vải với giá 30.000 đồng/01kg. T5 nhờ Nguyễn Khắc L và Nguyễn Thị M mua vải giùm nên T5 kêu K giao vải cho L và M. Sau khi đã thống nhất với T5, khoảng 19 giờ ngày hôm sau K thông báo lại cho H biết là đã

tìm được người mua vải. Sau đó, K và H rủ thêm Nguyễn Văn H1 cùng tham gia lấy trộm vải của Công ty V thì H1 đồng ý.

Để lấy được vải của Công ty V, H và đồng phạm sử dụng chìa khóa được giao mở cửa văn phòng (thông với xưởng) đột nhập vào bên trong. Sau đó, lấy các cây vải nguyên liệu để trong xưởng đưa ra ngoài qua cửa thoát hiểm bên hông trái rồi đem đi tiêu thụ.

Quá trình điều tra đã xác định được Võ Tá H và đồng phạm 18 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty V, cụ thể như sau:

- **Lần thứ nhất:** Khoảng 22 giờ (không rõ ngày) đầu tháng 10/2015, Nguyễn Văn H1 cảnh giới ở cổng chính Công ty V, còn Trần Văn K đột nhập vào trong xưởng lấy 02 cây vải nguyên liệu CVC 55% cotton, tổng khối lượng là 70kg, tương đương với 462m vải đưa ra ngoài (01 kg vải CVC 55% cotton tương đương 6,6m vải). K và H bỏ 02 cây vải lên xe mô tô biển số 72X2 – 162.37 buộc vào yên xe. Sau đó, K điều khiển xe mô tô chở đến phòng trọ của Nguyễn Thị M và Nguyễn Khắc L ở phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương bán với giá là 30.000 đồng/01kg, được số tiền là 2.100.000 đồng. H, H1, K chia nhau mỗi người số tiền 700.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 462m vải CVC 55% cotton trị giá 12.392.688 đồng.

- **Lần thứ hai đến lần thứ sáu:** Bằng thủ đoạn như ở lần thứ nhất, trong tháng 10/2015 và tháng 11/2015 (không rõ ngày) Võ Tá H cùng Nguyễn Văn H1 và Trần Văn K tiếp tục thực hiện 05 lần chiếm đoạt vải nguyên liệu của Công ty V, mỗi lần 02 cây vải loại CVC 55% cotton, khối lượng là 70kg, tương đương với 462m vải. Mỗi lần lấy được vải, K điều khiển xe mô tô chở đến bán cho M và L với giá 30.000 đồng/01kg, được số tiền 2.100.000 đồng, H, H1, K chia nhau mỗi người số tiền 700.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Sau khi mua vải, L và M để tại phòng trọ của mình, sau đó T5 thuê xe ô tô tải đến phòng trọ của L chở về chỗ ở của T5. Khi mua vải, T5 nghe K nói (qua điện thoại) đây là vải công ty thanh lý, K mua được nên bán lại kiếm lời. L và M cũng không nói cho T5 biết vải T5 mua là do H và đồng bọn trộm cắp nên T5 không biết đây là tài sản do phạm tội mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 462m vải CVC 55% cotton trị giá 12.392.688 đồng.

Như vậy, các bị cáo Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 và Trần Văn K 05 lần chiếm đoạt vải của Công ty V với số lượng 2.310m vải (05 x 462m = 2.310m) trị giá 61.963.440 đồng.

- **Lần thứ bảy:** Bằng thủ đoạn như các lần trước, khoảng 22 giờ (không rõ ngày) cuối tháng 11/2015, Võ Tá H cùng Nguyễn Văn H1 và Trần Văn K chiếm đoạt 03 cây vải nguyên liệu của Công ty V gồm: 01 cây vải loại CVC

55% cotton, khối lượng 30kg, tương đương với 198m vải; 02 cây vải loại Print (vải in) 55% cotton, tổng khối lượng 50kg, tương đương 330m vải. Sau khi chiếm đoạt được, K điều khiển xe mô tô chở 80 kg vải đến bán cho M và L với số tiền 2.400.000 đồng. H, H1, K chia nhau mỗi người 800.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 198m vải CVC 55% cotton trị giá 5.311.152 đồng và 330m vải Print 55% cotton trị giá 7.903.500 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là 13.214.652 đồng.

- **Lần thứ tám:** Sau 07 lần chiếm đoạt tài sản nhưng không bị Công ty V phát hiện, để lấy được vải nhiều hơn K bàn với H và H1 thuê xe ô tô taxi vào công ty vận chuyển vải chiếm đoạt được đến bán cho M và L. Khoảng 23 giờ, (không rõ ngày) đầu tháng 12/2015, Võ Tá H cùng Trần Văn K và Nguyễn Văn H1 chiếm đoạt 13 cây vải nguyên liệu Print 55% cotton (màu sắc khác nhau) của Công ty V, tổng khối lượng là 450kg, tương đương 2.970m vải. Sau khi chiếm đoạt được, K thuê Phạm Đức T điều khiển xe ô tô taxi nhãn hiệu Toyota Innova biển số 60A-109.26 đến Công ty V chở 450 kg vải đến bán cho M và L với số tiền 13.500.000 đồng. K trả tiền xe cho T 500.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để tiêu xài chung, còn lại K, H, H1 chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 2.970m vải Print 55% cotton trị giá 71.131.500 đồng.

- **Lần thứ chín:** Bằng thủ đoạn như lần trước, khoảng 23 giờ (không rõ ngày), giữa tháng 12/2015, Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 cùng Trần Văn K trộm cắp 13 cây vải nguyên liệu 841 55% cotton (màu sắc khác nhau) của Công ty V, tổng khối lượng là 450kg, tương đương với 2.970m vải. Sau đó, K thuê T điều khiển xe ô tô taxi chở 450kg vải đến bán cho M và L với số tiền 13.500.000 đồng. H trả tiền xe cho T 500.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để tiêu xài chung, còn lại K, H, H1 chia nhau mỗi người 4.000.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 2.970m vải 841 55% cotton trị giá 58.327.830 đồng.

- **Lần thứ mười:** Trong lần thứ hai chở vải cho H và đồng phạm, sau khi bán vải xong T chở H quay về Công ty V, trên đường đi T nói chuyện với H thì T biết số vải mình vận chuyển là tài sản do phạm tội mà có. T nảy sinh ý định mua vải do H cùng đồng phạm trộm cắp để bán lại kiếm lời, T nói với H là T sẽ mua vải với giá 35.000 đồng/01kg. Sau đó, H về nói lại cho K biết thì K đồng ý bán vải cho T.

Khoảng 22 giờ 30 phút, (không rõ ngày) giữa tháng 12/2015, Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 cùng với Trần Văn K lén lút chiếm đoạt 10 cây vải nguyên liệu (màu sắc khác nhau) của Công ty V, gồm có: 03 cây vải loại 841 55% cotton,

tổng khối lượng 120 kg, tương đương với 792m vải; 05 cây vải loại Print 55% cotton, tổng khối lượng là 200 kg, tương đương với 1.320m vải; 02 cây vải loại CVC 55% cotton, tổng khối lượng 80kg, tương đương với 528m vải. Sau khi chiếm đoạt được, K đi cùng T bằng xe taxi chở 400 kg vải về phòng trọ của T ở phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương để cân và tính tiền với giá 35.000đồng/01kg, được số tiền là 14.000.000 đồng. K trả tiền xe cho T 500.000 đồng, còn lại K, H, H1 chia nhau mỗi người 4.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Sau khi mua được vải, T dự trữ ở phòng trọ rồi chở đến tiệm vải NT bán cho bà Ngô Thị T6 với giá 60.000 đồng/01kg. Khi bán vải T nói với bà T6 vải do các công ty thanh lý, T mua được và đem bán lại nên bà T6 không biết đây là tài sản do người khác phạm tội mà có.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng định giá thị xã D xác định 792m vải 841 55% cotton trị giá 15.554.088 đồng, 1.320m vải Print 55% cotton trị giá 31.614.000 đồng, 528m vải CVC 55% cotton trị giá 14.163.072 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt lần này là 61.331.160 đồng.

- **Lần thứ mười một:** Bằng thủ đoạn như trên, khoảng 22 giờ 30 phút, (không rõ ngày) giữa tháng 12/2015 (sau vụ trước 02 ngày), Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 cùng với Trần Văn K lén lút chiếm đoạt 10 cây vải nguyên liệu (màu sắc các cây vải khác nhau) của Công ty V gồm có: 08 cây vải loại CVC 55% cotton khối lượng 320 kg, tương đương với 2.112m vải; 02 cây vải loại 100% cotton khối lượng là 80 kg, tương đương với 504m vải. Số vải chiếm đoạt được, K bán cho T với số tiền 14.000.000 đồng. K trả tiền xe cho T 500.000 đồng, còn lại K, H, H1 chia nhau mỗi người 4.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng định giá thị xã D xác định 2.112m vải loại CVC 55% cotton trị giá 56.652.288 đồng, 504m vải loại 100% cotton trị giá 18.226.656 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là 74.878.944 đồng.

- **Lần thứ mười hai:** Cùng thủ đoạn như lần trước, khoảng 23 giờ, (không rõ ngày, sau lần trước 03 ngày), giữa tháng 12/2015, Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 cùng với Trần Văn K lén lút chiếm đoạt 10 cây vải nguyên liệu (màu sắc khác nhau) của Công ty V gồm có: 06 cây vải loại 100% cotton khối lượng 240 kg, tương đương với 1.512m vải; 04 cây vải loại YD 55% cotton khối lượng 160 kg, tương đương với 1.056m vải. Số vải chiếm đoạt được, K bán cho T với số tiền 14.000.000 đồng. K trả tiền xe cho T 500.000 đồng, còn lại K, H, H1 chia nhau mỗi người 4.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng định giá thị xã D xác định 1.512m vải loại 100% cotton trị giá 54.679.968 đồng; 1.056m vải loại YD 55% cotton trị giá 23.521.344 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là: 78.201.312 đồng.

- **Lần thứ mười ba:** Khoảng cuối tháng 12/2015, Trần Văn K sắp nghỉ việc và hay uống rượu say trong ca trực nên H bàn với H1 tiếp tục trộm cắp vải

của Công ty V rồi vận chuyển bằng xe mô tô đến bán cho M và L. Số tiền bán vải có được H và H1 tự chia nhau, không chia cho K.

Khoảng 21 giờ, (không rõ ngày) cuối tháng 12/2015, Võ Tá H cùng Nguyễn Văn H1 lén lút chiếm đoạt 02 cây vải nguyên liệu 100% cotton của Công ty V, khối lượng 50kg, tương đương với 315m vải. Sau khi chiếm đoạt được, H điều khiển xe mô tô biển số 72X2 – 162.37 chở 50 kg vải đến bán cho M và L với giá 30.000 đồng/01kg, được số tiền là 1.500.000 đồng. H và H1 chia nhau mỗi người 700.000 đồng tiêu xài cá nhân, còn 100.000 đồng để tiêu xài chung.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng định giá thị xã D xác định 315 mét vải loại 100% cotton trị giá 11.391.660 đồng.

- **Lần thứ mười bốn:** Cùng thủ đoạn như trên, khoảng 21 giờ 30 phút, (không rõ ngày, sau lần trước 02 ngày), Võ Tá H cùng Nguyễn Văn H1 lén lút chiếm đoạt 02 cây vải nguyên liệu 100% cotton của Công ty V, khối lượng 50kg, tương đương với 315m vải. Số vải này, H bán cho M và L với số tiền 1.500.000 đồng, H và H1 chia nhau mỗi người 700.000 đồng tiêu xài cá nhân, còn 100.000 đồng để tiêu xài chung.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 315m vải loại 100% cotton trị giá 11.391.660 đồng.

- **Lần thứ mười lăm:** Cuối tháng 01/2016, Trần Văn K và Nguyễn Văn H1 nghỉ việc nên Công ty O phân công Bùi Anh T1 trực mục tiêu tại Công ty V cùng với Võ Tá H. Đến đầu tháng 3/2016, Võ Tá H xin cho cháu ruột của mình là Võ Tá T2 vào làm bảo vệ cho Công ty O và được phân công trực tại mục tiêu Công ty V. Lợi dụng việc trực cùng ca, Võ Tá H rủ Bùi Anh T1 và Võ Tá T2 tham gia trộm cắp vải của Công ty V bán cho Phạm Đức T lấy tiền chia nhau tiêu xài thì T2 và T1 đồng ý. Theo đó, Võ Tá T2 canh giới, đóng, mở cổng chính và dùng cây đẩy camera để không ghi hình được xe taxi ra vào cổng. Còn H và T1 trực tiếp đột nhập vào xưởng (bằng lối đi vào văn phòng thông với xưởng) để lấy trộm vải đem ra ngoài đưa lên xe taxi vận chuyển đến nhà của T tiêu thụ.

Khoảng 23 giờ, (không rõ ngày) giữa tháng 3/2016, Võ Tá H, Bùi Anh T1 và Võ Tá T2 lén lút chiếm đoạt 13 cây vải nguyên liệu (màu sắc khác nhau) của Công ty V, gồm có: 10 cây vải loại 841 55% cotton khối lượng 400kg, tương đương với 2.640m vải; 03 cây vải loại 100% cotton khối lượng là 100kg, tương đương với 630m vải. Sau khi chiếm đoạt được, H đi cùng T bằng xe taxi chở 500 kg vải về nhà của T để cân và tính tiền với giá 35.000 đồng/01kg, được số tiền là 17.500.000 đồng. H trả tiền xe cho T 500.000 đồng và tiêu xài chung 500.000 đồng, còn lại H, T1, T2 chia nhau mỗi người 5.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 2.640m vải loại 841 55% cotton trị giá

51.812.640 đồng; 630m vải loại 100% cotton trị giá 22.768.830 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là 74.581.470 đồng.

- **Lần thứ mười sáu:** Bằng thủ đoạn như trên, khoảng 23 giờ, (không rõ ngày) cuối tháng 3/2016, Võ Tá H, Bùi Anh T1 và Võ Tá T2 lên lút chiếm đoạt 12 cây vải nguyên liệu (màu sắc khác nhau) của Công ty V gồm có: 08 cây vải loại 841 55% cotton, tổng khối lượng 320kg, tương đương với 2.112m vải; 02 cây vải loại CVC 55% cotton, tổng khối lượng là 80kg, tương đương với 528m vải; 02 cây vải loại 100% cotton, tổng khối lượng 70kg, tương đương với 441m vải. Số vải chiếm đoạt được, H bán cho T với số tiền 16.450.000 đồng. H trả tiền xe cho T 500.000 đồng, dùng 950.000 đồng để tiêu xài chung cho cả nhóm, còn lại H, T1, T2 chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 2.112m vải loại 841 55% cotton trị giá 41.450.112 đồng; 528m vải loại CVC 55% cotton trị giá 14.153.568 đồng; 441m vải loại 100% cotton trị giá 15.938.181 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là 71.541.861 đồng.

- **Lần thứ mười bảy:** Cùng thủ đoạn như lần trước, khoảng 23 giờ 30 phút, (không rõ ngày) giữa tháng 4/2016, Võ Tá H, Bùi Anh T1 và Võ Tá T2 lên lút chiếm đoạt 11 cây vải nguyên liệu (màu sắc khác nhau) của Công ty V, gồm có: 03 cây vải loại 841 55% cotton, tổng khối lượng 120kg, tương đương với 792m vải; 06 cây vải loại CVC 55% cotton, tổng khối lượng là 240kg, tương đương với 1.584m vải; 01 cây vải loại Print 55% cotton, khối lượng 40kg, tương đương với 264m vải; 01 cây vải loại 100% cotton, khối lượng 30kg, tương đương với 189m vải. Số vải này, H bán cho T với số tiền 15.050.000 đồng. H trả tiền xe cho T 500.000 đồng, dùng 1.050.000 đồng để tiêu xài chung cho cả nhóm, còn lại H, T1, T2 chia nhau mỗi người 4.500.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 792m vải loại 841 55% cotton trị giá là: 15.527.160 đồng; 1.584m vải loại CVC 55% cotton trị giá là 42.416.352 đồng; 264m vải loại Print 55% cotton trị giá 5.870.000 đồng; 189m vải loại 100% cotton trị giá 6.823.467 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là 70.637.019 đồng.

- **Lần thứ mười tám:** Đến ngày 23/4/2016, Bùi Anh T1 bị Công ty O điều động qua trực ca ngày nên Võ Tá H và Võ Tá T2 tiếp tục trộm cắp vải bán cho Phạm Đức T. Khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 23/4/2016, Võ Tá H và Võ Tá T2 lên lút chiếm đoạt 05 cây vải nguyên liệu (màu sắc khác nhau) của Công ty V gồm có: 01 cây vải loại YD 55% cotton, có khối lượng 40kg, tương đương với 264m vải; 02 cây vải loại CVC 55% cotton, có khối lượng là 80kg, tương đương với 528m vải; 02 cây vải loại 841 55% cotton, có khối lượng 80kg, tương đương với 528m vải. Số vải chiếm đoạt được, H bán cho T với số tiền 7.000.000 đồng, H trả tiền xe cho T 500.000 đồng, còn lại H và T2 chia nhau mỗi người 3.250.000 đồng tiêu xài cá nhân.

Theo Kết luận định giá tài sản số 238/BB.ĐG ngày 19/10/2016 của Hội đồng Định giá thị xã D xác định 264m vải loại YD 55% cotton trị giá 5.807.208 đồng; 528m vải loại CVC 55% cotton trị giá 14.138.784 đồng; 528m vải loại 841 55% cotton trị giá 10.351.440 đồng. Tổng trị giá tài sản bị chiếm đoạt lần này là 30.297.432 đồng.

Ngày 25/4/2016, Công ty V phát hiện bị thất thoát vải với số lượng lớn nên đến Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương tố cáo vụ việc.

Ngày 24/5/2016, Võ Tá H đến Công an thị xã D đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ lời khai của Võ Tá H và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 24/5/2016 và ngày 25/5/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D ra lệnh bắt khẩn cấp đối với Phạm Đức T, Nguyễn Thị M, Nguyễn Khắc L và Bùi Anh T1, thu giữ tại chỗ ở của Phạm Đức T 01 cái cân hiệu Nhơn Hòa và 24kg vải các loại (bút lục số 102). Đồng thời, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D thu giữ của Ngô Thị T6 28 cây vải các loại, khối lượng 670kg (bút lục số 397).

Ngày 16/5/2017, Võ Tá T2 đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương.

Ngày 29/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương bắt tạm giam đối với Nguyễn Văn H1.

Như vậy, Võ Tá H tham gia thực hiện 18 lần trộm cắp tài sản (từ lần thứ nhất đến lần thứ mười tám), với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 701.282.628 đồng; Phạm Đức T tham gia 07 lần trộm cắp tài sản (từ lần thứ mười đến lần thứ mười hai và từ lần thứ mười lăm đến lần thứ mười tám) với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 461.469.198 đồng; Nguyễn Văn H1 tham gia 14 lần trộm cắp tài sản (từ lần thứ nhất đến lần thứ mười bốn) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 454.224.846 đồng; Võ Tá T2 tham gia 04 lần trộm cắp tài sản (từ lần thứ mười lăm đến lần thứ mười tám) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 247.057.782 đồng; Bùi Anh T1 tham gia 03 lần trộm cắp tài sản (từ lần thứ mười lăm đến lần thứ mười bảy) với tổng trị giá tài sản chiếm đoạt được là 216.760.350 đồng; Nguyễn Khắc L tham gia tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 10 lần (từ lần thứ hai đến lần thứ chín và lần thứ mười ba, lần thứ mười bốn) với tổng trị giá tài sản là 227.420.742 đồng; Nguyễn Thị M tham gia tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có 09 lần (từ lần thứ ba đến lần thứ chín và lần thứ mười ba, lần thứ mười bốn) với tổng trị giá tài sản là 215.028.054 đồng.

Tổng khối lượng vải do Võ Tá H và đồng bọn chiếm đoạt đem bán cho L và M là 1.500 kg. Số vải này L và M giao lại cho T5 và được trả công số tiền 13.000.000 đồng, L và M chia nhau mỗi người 6.500.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

Tổng khối lượng vải Phạm Đức T tham gia chiếm đoạt cùng với H và đồng bọn là 2.800kg, T bán cho chủ cửa hàng NT là bà Ngô Thị T6 60.000 đồng/01kg và thu lợi số tiền 70.000.000 đồng. Số vải này sau đó bà T6 bán lại

cho khách qua đường, còn lại 28 cây, khối lượng 670kg Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương đã thu giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo H; các bị cáo H, H1, T, T1, T2, M, L; nguyên đơn dân sự; bị đơn dân sự; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì về các kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá thị xã D.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKSBD-P1 ngày 22/01/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương quyết định truy tố bị cáo Võ Tá H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn H1, Phạm Đức T, Bùi Anh T1, Võ Tá T2 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Truy tố các bị cáo Nguyễn Thị M, Nguyễn Khắc L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vị đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; xử phạt bị cáo Võ Tá H từ 13 năm tù đến 14 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 09 năm tù đến 10 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H1 từ 09 năm tù đến 10 năm tù; Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Võ Tá T2 từ 07 năm đến 08 năm tù. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Bùi Anh T1 từ 07 năm đến 08 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc L từ 04 năm tù đến 05 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị M từ 04 năm tù đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo Võ Tá H, Bùi Anh T1, Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2 liên đới trả lại cho Công ty O là 701.282.628 đồng (số tiền mà Công ty O đã bồi thường cho Công ty V); bị cáo T có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị T6 số tiền 40.200.000 đồng là tiền bị cáo T bán 28 cây vải cho bà T6 mà Cơ quan điều tra đã thu giữ.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) cân màu xanh có chữ Nhơn Hoà (loại 100kg) và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia Model 2730C của bị cáo T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 3 vỏ bằng nhựa màu đen của bị cáo M. Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 01 (một) điện thoại di động Samsung Model SM-G530H cho bị cáo H, buộc bị cáo H nộp lại số tiền 10.000.000 đồng tiền bán xe mô tô 72X2- 162.37 là phương tiện phạm tội sung quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo H, Luật sư Ngô N trình bày nội dung bào chữa: Không có ý kiến gì đối với tội danh và khung hình phạt của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố đối với bị cáo H. Người bào chữa đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo có cha là Võ Tá M1 là người có công với cách mạng, bị cáo là lao động nghèo, có hai con còn nhỏ. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H thấp hơn lời đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát.

Đại diện nguyên đơn dân sự Công ty V trình bày: Không có ý kiến về bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Sau khi xảy ra sự việc thì Công ty O đã thoả thuận bồi thường thiệt hại cho Công ty V và tại phiên tòa hai bên công ty đã thống nhất Công ty O còn phải bồi thường cho Công ty V số tiền còn lại là 195.512.562 đồng. Riêng về phần hình phạt đối với các bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

Đại diện bị đơn dân sự Công ty O trình bày: Không có ý kiến về bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Đối với phần trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Công ty O thống nhất thoả thuận bồi thường thiệt hại cho Công ty V số tiền còn lại là 195.512.562 đồng. Đồng thời, Công ty O yêu cầu các bị cáo Võ Tá H, Bùi Anh T1, Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2 liên đới bồi hoàn lại số tiền 701.282.628 cho công ty, khấu trừ giá trị số vải Công ty V đã thu hồi là 109.027.671 đồng; các bị cáo Võ Tá H, Bùi Anh T1, Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2 còn phải liên đới bồi hoàn 592.254.957 đồng. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T5 trình bày: Không có ý kiến gì về bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương. Việc mua vải của bị cáo H cùng đồng phạm thực hiện hành vi chiếm đoạt của Công ty V thì bà T5 không biết và tin tưởng vào lời nói của K, bị cáo M và bị cáo L là vải thanh lý nên mua. Đồng thời, bà T5 cũng không yêu cầu bị cáo M, bị cáo L trả lại số tiền 13.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T6 trình bày: Việc mua vải là tài sản chiếm đoạt mà bị cáo H cùng đồng phạm

thực hiện thì bà không biết và tin tưởng vào lời nói của bị cáo T là vải thanh lý nên mua. Đồng thời, bà T6 yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền thiệt hại đối với số vải mà cơ quan điều tra thu giữ $670\text{kg} \times 60.000 \text{ đồng/kg} = 40.200.000 \text{ đồng}$. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý trả lại số tiền 40.200.000 đồng cho bà T6.

Các bị cáo Võ Tá H, Nguyễn Văn H1, Phạm Đức T, Bùi Anh T1, Võ Tá T2, Nguyễn Thị M, Nguyễn Khắc L cho rằng cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Về phần trách nhiệm dân sự, bị đơn dân sự Công ty O yêu cầu các bị cáo H, H1, T, T1, T2 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 592.254.957 đồng; các bị cáo H, H1, T, T1, T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Đồng thời các bị cáo H, H1, T, T1, T2, M, L nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra – Công an tỉnh Bình Dương, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương, hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện việc điều tra, truy tố đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 10/2015 đến ngày 23/4/2016, Võ Tá H, Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2, Bùi Anh T1 cùng với Trần Văn K đã nhiều lần lén lút chiếm đoạt vải nguyên liệu của Công ty V. Các bị cáo Nguyễn Khắc L và Nguyễn Thị M biết vải nguyên liệu do Võ Tá H, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2, Bùi Anh T1 cùng với Trần Văn K là do phạm tội mà có nhưng bị cáo L và bị cáo M vẫn mua nhằm bán lại cho bà Nguyễn Thị Lệ T5 lấy tiền chia nhau tiêu xài. Đối với hành vi của bị cáo Phạm Đức T khi biết được tài sản vải nguyên liệu là do các bị cáo H, H1, T2, T1 chiếm đoạt của Công ty V, bị cáo T đề nghị bán cho bị cáo để bị cáo đem bán lại cho bà Ngô Thị T6 nhằm thu lợi bất chính. Trong đó, Võ Tá H tham gia 18 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 701.282.628 đồng; Phạm Đức T tham gia 07 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 461.469.198 đồng; Nguyễn Văn H1 tham gia 14 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 454.224.846 đồng; Võ Tá T2 tham gia 04 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 247.057.782 đồng; Bùi Anh T1 tham gia 03 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 216.760.350 đồng; Nguyễn Khắc L tham

gia tiêu thụ 10 lần, tổng trị giá tài sản 227.420.742 đồng; Nguyễn Thị M tham gia tiêu thụ 09 lần, tổng trị giá tài sản 215.028.054 đồng.

Theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng... bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 2 năm đến 7 năm:... c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng; ... 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 7 năm đến 15 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; ... 4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm: a) Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên; ...”. Như vậy, hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Võ Tá H có giá trị 701.282.628 đồng nên cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Võ Tá H về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” theo điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Các bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2, Bùi Anh T1 có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty V, cụ thể Phạm Đức T tham gia 07 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 461.469.198 đồng; Nguyễn Văn H1 tham gia 14 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 454.224.846 đồng; Võ Tá T2 tham gia 04 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 247.057.782 đồng; Bùi Anh T1 tham gia 03 lần, chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 216.760.350 đồng. Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2, Bùi Anh T1 về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng” theo điểm a khoản 3 Điều 173 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: “1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm: ... c) Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; ...”.

Các bị cáo Nguyễn Khắc L, Nguyễn Thị M biết vãi nguyên liệu của Võ Tá H, Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2, Bùi Anh T1 cùng với Trần Văn K là do phạm tội mà có nhưng các bị cáo vẫn mua để bán lại kiếm lời (Nguyễn Khắc L tham gia tiêu thụ 10 lần, tổng trị giá tài sản 227.420.742 đồng; Nguyễn Thị M tham gia tiêu thụ 09 lần, tổng trị giá tài sản 215.028.054 đồng). Do đó, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Khắc L, Nguyễn Thị M phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm

tội mà có” với tình tiết định khung “*Tài sản, vật phạm pháp trị giá từ 100.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng*” theo điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty V là trái pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi, lười lao động lại muốn hưởng thụ mà các bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu đối với tài sản hợp pháp của tổ chức được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến tình hình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tình hình trật tự trị an tại địa phương. Hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo có đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bình Dương tình hình mất trộm tài sản của các doanh nghiệp ngày càng gia tăng, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng và ngày càng diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến chính sách khuyến khích đầu tư của tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục đối với các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[4] Về vai trò:

Bị cáo H là người đầu vụ, bị cáo là người rủ rê các bị cáo H1, T1, T2 cùng tham gia lén lút chiếm đoạt tài sản của Công ty V. Đồng thời, bị cáo là người liên hệ bị cáo M hỏi nơi mua vải để bán tài sản đã chiếm đoạt nhằm thu lợi bất chính.

Các bị cáo H1, T1, T2 là đồng phạm giản đơn, các bị cáo là người thực hành; giúp sức cảnh giới cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội.

Bị cáo T là đồng phạm giản đơn, khi biết tài sản vải là do các bị cáo trộm cắp của Công ty V mà có nhưng bị cáo T vẫn đề nghị bán cho bị cáo nhiều lần để bị cáo đem bán lại cho bà T6 nhằm thu lợi bất chính.

Bị cáo M tham gia tiêu thụ 09 lần, bị cáo L tham gia tiêu thụ 10 lần, các bị cáo là người khi nghe bị cáo H hỏi nơi tiêu thụ vải thì bị cáo M biết tài sản do bị cáo H phạm tội mà có nhưng bị cáo M không khai báo với cơ quan có thẩm quyền mà bị cáo M nói với bị cáo L biết sự việc nhằm tìm kiếm nơi tiêu thụ tài sản để thu lợi bất chính.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhiều lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo H, H1, T, T1, T2, M, L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Gia đình bị cáo Phạm Đức T đã bồi thường cho Công ty O số tiền 40.000.000 đồng; gia đình bị cáo Nguyễn Văn H1 đã bồi thường cho Công ty O số tiền 20.000.000 đồng và Công ty O xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo H1 nên các bị cáo T, H1 được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo H có cha là Võ Tá M1 là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Các bị cáo Võ Tá H, **Võ Tá T2, Nguyễn Văn H1** sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú. Đồng thời, **bị cáo T2** có ông nội được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, **bị cáo Nguyễn Khắc L** có ông ngoại tên Võ Văn N3 là liệt sỹ; bị **cáo Nguyễn Văn H1** có ông nội tên Nguyễn Văn H8 được Nhà nước tặng huy chương kháng chiến hạng nhất, ông ngoại tên Phạm Xuân B2 được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì nên bị cáo Võ Tá H, Võ Tá T2, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Khắc L được hưởng các tình tiết giảm trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về nhân thân: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, các bị cáo là lao động nghèo có hoàn cảnh khó khăn nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là có cơ sở nên chấp nhận. Riêng về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là nặng so với hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo nên Hội đồng xét xử điều chỉnh cho phù hợp pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị M tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức, khi biết tài sản bị cáo H chiếm đoạt là do phạm tội mà có nhưng bị cáo M không khai báo với cơ quan có thẩm quyền mà bị cáo M nói với bị cáo L biết sự việc, sau đó bị cáo L tìm kiếm nơi tiêu thụ tài sản nhằm thu lợi bất chính, đồng thời bị cáo có 02 con còn nhỏ. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án bằng với thời gian tạm giam (02 năm 14 ngày) cũng đủ giáo dục bị cáo và thể hiện tính khoan hồng của Nhà nước.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ mức hình phạt so với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo H nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đối với hành vi của Trần Văn K là đồng phạm với các bị cáo H, H1, T nhưng hiện nay K đã bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, khi bắt được sẽ tiếp tục điều tra, xử lý là đúng quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đại diện nguyên đơn dân sự Công ty V và đại diện Công ty O đã Thống nhất thỏa thuận: Công ty O còn phải bồi thường số tiền còn lại cho Công ty V là 195.512.562 đồng. Xét thấy, Công ty V và Công ty O thống nhất thỏa thuận số tiền còn lại mà Công ty O phải bồi thường cho Công ty V là 195.512.562 đồng phù hợp với pháp luật nên chấp nhận.

Đại diện Công ty O đã thỏa thuận bồi thường cho Công ty V nên Công ty O yêu cầu các bị cáo H, H1, T, T1, T2 phải liên đới bồi thường lại cho Công ty O với tổng số tiền 701.282.628 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo H, H1, T, T1, T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo pháp luật.

Xét thấy, các bị cáo H, H1, T, T1, T2 thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là vải của Công ty V 18 lần với giá trị là 701.282.628 đồng. Trong đó Võ Tá H tham gia 18 lần (trong đó cùng với bị cáo H1 14 lần, cùng với bị cáo T 07 lần, cùng với bị cáo T2 04 lần, cùng với bị cáo T1 03 lần), chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 701.282.628 đồng; Phạm Đức T tham gia 07 lần (cùng với bị cáo H và H1 03 lần; cùng với bị cáo H, T2, T1 03 lần và cùng bị cáo H, T1 01 lần), chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 461.469.198 đồng; Nguyễn Văn H1 tham gia 14 lần (cùng bị cáo H 11 lần; cùng với bị cáo T 03 lần), chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 454.224.846 đồng; Võ Tá T2 tham gia 04 lần (cùng với bị cáo H, T, T2, T1 03 lần và 01 lần cùng với các bị cáo H, T), chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 247.057.782 đồng; Bùi Anh T1 tham gia 03 lần (cùng với bị cáo H, T, T2), chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 216.760.350 đồng;

Trong đó, cá nhân bị cáo H chiếm đoạt cụ thể số tiền trong 18 vụ là 255.666.418,5 đồng; bị cáo H1 chiếm đoạt cụ thể số tiền trong 14 vụ là 191.377.187 đồng; bị cáo T chiếm đoạt cụ thể số tiền trong 07 vụ là 135.759.703,5 đồng; bị cáo T2 chiếm đoạt cụ thể số tiền trong 04 vụ là 64.289.231,5 đồng; bị cáo T1 chiếm đoạt cụ thể số tiền trong 03 vụ là 54.190.087,5 đồng. Tổng số tiền là 701.282.628 đồng. Cơ quan cảnh sát Điều tra đã thu giữ tại nhà bị cáo T 24kg vải các loại và 28 cây vải các loại, khối lượng 670kg thu giữ của bà Ngô Thị T6. Căn cứ vào Kết luận định giá số 128/BB.ĐG ngày 20/6/2016 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An, giá trị vải trên là 109.027.671 đồng (bút lục 48). Do đó, khấu trừ giá trị số vải trả lại cho Công ty V, các bị cáo còn phải có nghĩa vụ trả lại cho Công ty O là 701.282.628 đồng – 109.027.671 đồng = 592.254.957 đồng. Ngày 06/6/2018, gia đình của bị cáo T đã bồi thường cho Công ty O số tiền 40.000.000 đồng và gia đình bị cáo H1 đã bồi thường cho Công ty O số tiền 20.000.000 đồng; do các bị cáo H1, T đã thực hiện nhiều vụ chiếm đoạt tài sản của Công ty V nên Hội đồng xét xử sẽ tách số tiền các bị cáo H1, T đã bồi thường để bồi thường cho nhiều vụ, cụ thể: Bị cáo H1 bồi thường cho Công ty O 10.000.000 đồng từ vụ thứ 01 đến vụ thứ 9, vụ 13,

14 và 10.000.000 đồng trong vụ 10, 11, 12; bị cáo T bồi thường cho Công ty O 20.000.000 đồng trong vụ 10, 11, 12 và 20.000.000 đồng trong vụ 15, 16, 17.

Số tiền các bị cáo phải bồi thường cho Công ty O cụ thể như sau:

- Bị cáo H và bị cáo H1 phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 239.813.000 đồng (vụ thứ 01 đến vụ thứ 9, vụ 13, 14). Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng gia đình bị cáo H1 đã bồi thường ngày 06/6/2018 cho Công ty O; bị cáo H và bị cáo H1 còn phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 229.813.000 đồng.

- Bị cáo H, bị cáo H1 và bị cáo T phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 167.685.000 đồng (vụ 10, 11, 12). Khấu trừ số tiền 10.000.000 đồng gia đình bị cáo H1 đã bồi thường ngày 06/6/2018 cho Công ty O và số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã bồi thường cho Công ty O ngày 06/6/2018; bị cáo H, bị cáo H1 và bị cáo T còn phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 137.685.000 đồng.

- Bị cáo H, bị cáo T1, bị cáo T2 và bị cáo T phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 170.035.000 đồng (vụ 15, 16, 17). Khấu trừ số tiền 20.000.000 đồng gia đình bị cáo T đã bồi thường cho Công ty O ngày 06/6/2018; bị cáo H, bị cáo T1, bị cáo T2 và bị cáo T còn phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 150.035.000 đồng.

- Bị cáo H, bị cáo T2 và bị cáo T phải liên đới bồi thường cho Công ty O số tiền 14.722.000 đồng (vụ 18).

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lệ T5 không yêu cầu các bị cáo Nguyễn Thị M và Nguyễn Khắc L trả lại số tiền 13.000.000 đồng mà bà T5 trả công cho các bị cáo. Xét sự tự nguyện trên phù hợp với nguyên tắc quyết định và tự định đoạt, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị T6 yêu cầu bị cáo Phạm Đức T trả lại giá trị 28 cây vải với khối lượng 670kg mà cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D, tỉnh Bình Dương đã thu giữ là 670kg x 60.000 đồng/kg = 40.200.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T đồng ý trả lại số tiền trên cho bà T6 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với 24kg vải các loại thu giữ tại nhà của bị cáo T và 28 cây vải các loại, khối lượng 670kg thu giữ của bà T6. Xét thấy, tài sản trên thuộc sở hữu của Công ty V nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Công ty V ngày 08/7/2016 (bút lục 59) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 cân hiệu Nhon Hoà, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 2730C của bị cáo T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iphone 3, vỏ bằng nhựa màu đen của bị cáo M dùng vào mục đích phạm tội.

Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) điện thoại di động Samsung Model SM-G530H của bị cáo H. Xét thấy, bị cáo không dùng điện thoại trên để làm phương tiện liên lạc vào mục đích phạm tội nên tạm giữ điện thoại trên của các bị cáo để đảm bảo thi hành án dân sự.

Đối với xe mô tô biển số 72X2-162.37 của bị cáo H dùng làm phương tiện chở tài sản chiếm đoạt đi tiêu thụ. Xét, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, cần tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước nhưng bị cáo H đã bán xe trên với số tiền 10.000.000 đồng nên buộc bị cáo H nộp lại số tiền 10.000.000 đồng tiền bán xe mô tô biển số 72X2-162.37 sung quỹ Nhà nước.

[10] Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Do các bị cáo, bị đơn dân sự có nghĩa vụ bồi thường cho nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo **Võ Tá H**, **Phạm Đức T**, **Nguyễn Văn H1**, **Võ Tá T2**, **Bùi Anh T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo **Nguyễn Khắc L**, **Nguyễn Thị M** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo **Võ Tá H** 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2016.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Phạm Đức T** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2016.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H1** 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/5/2017, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 25/5/2016 đến ngày 31/5/2016.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã

được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Võ Tá T2** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 16/5/2017 đến ngày 21/6/2017.

Xử phạt bị cáo **Bùi Anh T1** 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2016.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Khắc L** 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2016.

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 323, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị M** 02 (hai) năm 14 (mười bốn) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/5/2016. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

Tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Thị M nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Ghi nhận sự thỏa thuận giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V số tiền còn lại là 195.512.562 đồng (một trăm chín mươi lăm triệu năm trăm mười hai nghìn năm trăm sáu mươi hai đồng).

- Buộc các bị cáo Võ Tá H và Nguyễn Văn H1 phải liên đới bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O số tiền 229.813.000 đồng (hai trăm hai mươi chín triệu tám trăm mười ba nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 và Phạm Đức T phải liên đới bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O số tiền 137.685.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Võ Tá H, Bùi Anh T1, Võ Tá T2 và Phạm Đức T phải liên đới bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O số tiền

150.035.000 đồng (một trăm năm mươi triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

- Buộc các bị cáo Võ Tá H, Võ Tá T2 và Phạm Đức T phải liên đới bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O số tiền 14.722.000 đồng (mười bốn triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Đức T có nghĩa vụ trả lại cho bà Ngô Thị T6 số tiền 40.200.000 đồng (bốn mươi triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả thêm lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) cân màu xanh có chữ Nhơn Hoà (loại 100kg); 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, Model 2730C của bị cáo Phạm Đức T; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 3, vỏ bằng nhựa màu đen của bị cáo Nguyễn Thị M.

Tạm giữ 01 (một) điện thoại di động Samsung Model SM-G530H của bị cáo Võ Tá H để đảm bảo thi hành án dân sự.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/01/2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương).

Buộc bị cáo Võ Tá H nộp lại số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 98; khoản 1 và khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Các bị cáo Võ Tá H, Phạm Đức T, Nguyễn Văn H1, Võ Tá T2, Bùi Anh T1, Nguyễn Khắc L, Nguyễn Thị M mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên O phải nộp 9.775.628 đồng (chín triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn sáu trăm hai mươi tám đồng).

- Các cáo Võ Tá H và Nguyễn Văn H1 phải liên đới nộp 11.490.650 đồng (mười một triệu bốn trăm chín mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng).

- Các bị cáo Võ Tá H, Nguyễn Văn H1 và Phạm Đức T phải liên đới nộp 6.884.250 đồng (sáu triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng).

- Các bị cáo Võ Tá H, Bùi Anh T1, Võ Tá T2 và Phạm Đức T phải liên đới nộp 7.501.750 đồng (bảy triệu năm trăm lẻ một nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Các bị cáo Võ Tá H, Võ Tá T2 và Phạm Đức T phải liên đới nộp 736.100 đồng (bảy trăm ba mươi sáu nghìn một trăm đồng).

- Bị cáo Phạm Đức T phải nộp 2.010.000 đồng (hai triệu không trăm mười nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Bình Dương;
- CQCSĐT Công an tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Nguyên đơn dân sự;
- Bị đơn dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Tổ Hành chính – Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Huỳnh Đức